Ký bởi: HĐND tỉnh Thanh Hóa
Giờ ký:26/11/2026 17:41:53

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; giao biên chế của hệ thống chính trị năm 2026 và định hướng giai đoạn 2027 - 2031;

Căn cứ Quy định số 183-QĐ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 185-QĐ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về biên chế các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương; cơ quan Mặt trận Tổ quốc, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương và các tỉnh, thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 320-QĐ/BTCTW ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế tỉnh Thanh Hóa năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 405/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 406/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế năm 2026 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 1818/BC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2026, như sau:

1. Biên chế các cơ quan, đơn vị của Đảng, Cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp xã, gồm:

a) Biên chế công chức : 4.957 biên chế;

b) Biên chế viên chức : 289 biên chế.

2. Biên chế các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền cấp tỉnh, cấp xã, gồm:

a) Biên chế cán bộ, công chức cấp tỉnh : 2.073 biên chế.

b) Biên chế cán bộ, công chức chính quyền cấp xã: 6.318 biên chế.

c) Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 62.453 người, trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo : 55.124 người;
- Sự nghiệp Y tế : 5.072 người;
- Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao : 481 người;
- Sự nghiệp khác : 1.776 người.

3. Biên chế dự phòng: 139 biên chế, gồm:

a) Biên chế công chức dự phòng : 69 biên chế;

b) Biên chế viên chức dự phòng : 70 biên chế.

(Có Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này tổ chức triển khai theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; quyết định giao, điều chỉnh chỉ tiêu biên

chế công chức, số lượng người làm việc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối chính quyền bảo đảm không vượt quá số biên chế được giao tại Nghị quyết này; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng, tiếp nhận, quản lý, sử dụng công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 703/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế của tỉnh Thanh Hóa năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- TTr Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục I
GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
(1)	*(2)*	*(3)*
	TỔNG SỐ	**2.073**
1	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	**591**
-	Cơ quan Sở	104
-	Chi cục Thủy lợi	36
-	Chi cục Phát triển nông thôn	25
-	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	36
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	36
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	28
-	Chi cục Kiểm lâm	295
-	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	16
-	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	15
2	**Sở Tư pháp**	**45**
-	Cơ quan Sở	45
3	**Sở Công Thương**	**228**
-	Cơ quan Sở	76
-	Chi cục Quản lý thị trường	152
4	**Sở Xây dựng**	**130**
5	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**88**
-	Cơ quan Sở	88
6	**Văn phòng UBND tỉnh**	**133**
-	Cơ quan Văn phòng	113
-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	20
7	**Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**	**39**
8	**Sở Nội vụ**	**117**
-	Cơ quan Sở	117
9	**Sở Dân tộc và Tôn giáo**	**35**
10	**Sở Tài chính**	**150**
11	**Sở Y tế**	**115**
-	Cơ quan Sở	60
-	Chi cục Dân số	27
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	28
12	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**82**
-	Cơ quan Sở	82

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
13	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**77**
-	Cơ quan Sở	77
14	**Thanh tra tỉnh**	**150**
15	**Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp**	**68**
-	Cơ quan Ban	68
16	**Sở Ngoại vụ**	**25**

Phụ lục II

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND TỈNH NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
(1)	*(2)*	*(3)*
	TỔNG SỐ	**13.413**
1	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	**478**
-	Chi cục Thủy lợi	75
-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	14
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	4
-	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	7
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En	56
-	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên	38
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	39
-	Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	25
-	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới	3
-	Trung tâm Khuyến nông	42
-	08 Ban Quản lý rừng phòng hộ	156
-	Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá	19
2	**Sở Tư pháp**	**48**
-	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	6
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	39
-	Phòng Công chứng số 2	3
3	**Sở Công Thương**	**42**
-	Trường Trung cấp Thương mại Du lịch	22
-	Trung tâm Xúc tiến Công Thương	20
4	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**6.414**
-	Khối Trường THPT (bao gồm 08 trường liên cấp) và Trung tâm GDNN - GDTX	6.328
-	Trường Giáo dục chuyên biệt Thanh Hóa	10
-	Trường Trung cấp nghề miền núi	15
-	Trường Trung cấp nghề Thạch Thành	16
-	Trường Trung cấp nghề Bỉm Sơn	18
-	Trường Trung cấp nghề Nga Sơn	27
5	**Văn phòng UBND tỉnh**	**8**
-	Cơ quan Văn phòng	5
-	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	3

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
6	**Sở Nội vụ**	**189**
-	Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công	141
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm	26
-	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	22
7	**Sở Y tế**	**5.072**
-	Chi cục Dân số	1
-	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	3
-	Trung tâm Kiểm nghiệm	43
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	190
-	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	26
-	Khối Trung tâm Y tế tuyến cơ sở	1.138
-	Khối Bệnh viện tuyến cơ sở	476
-	Y tế xã	2.911
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	137
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	62
-	Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ Bảo trợ trẻ em	46
-	Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi	39
8	**Sở Khoa học và Công nghệ**	**41**
-	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Ứng dụng, Chuyển giao Khoa học Công nghệ	17
-	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	24
9	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**481**
-	Trung tâm Bảo tồn di sản, Bảo tàng và Thư viện Thanh Hóa	64
-	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật Lam Sơn Thanh Hóa	208
-	Ban Quản lý di sản Thành Nhà Hồ và các di tích trọng điểm tỉnh Thanh Hóa	32
-	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao Thanh Hóa	152
-	Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Du lịch Thanh Hóa	25
10	**Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp**	**15**
-	Trung tâm Quản lý Hạ tầng, Môi trường và Hỗ trợ đầu tư	15
11	**Trường Đại học Hồng Đức**	**300**
-	Trường Đại học Hồng Đức	293
-	Trung tâm Giáo dục Quốc tế	7
12	**Trường Cao đẳng Y tế**	**82**
13	**Trường Cao đẳng Công nghiệp**	**129**
14	**Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông nghiệp**	**114**

Phụ lục III

GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
(1)	*(2)*	*(3)*
	TỔNG SỐ	**6.318**
1	Xã Mường Lát	30
2	Xã Quang Chiểu	26
3	Xã Tam Chung	26
4	Xã Mường Chanh	26
5	Xã Pù Nhi	26
6	Xã Nhi Sơn	26
7	Xã Mường Lý	26
8	Xã Trung Lý	26
9	Xã Quan Sơn	30
10	Xã Sơn Thủy	26
11	Xã Sơn Điện	26
12	Xã Mường Mìn	26
13	Xã Tam Thanh	26
14	Xã Tam Lư	30
15	Xã Na Mèo	26
16	Xã Trung Hạ	30
17	Xã Hồi Xuân	33
18	Xã Nam Xuân	30
19	Xã Thiên Phủ	30
20	Xã Hiền Kiệt	30
21	Xã Phú Xuân	26
22	Xã Phú Lệ	30
23	Xã Trung Thành	30
24	Xã Trung Sơn	26
25	Xã Bá Thước	35
26	Xã Thiết Ống	31
27	Xã Văn Nho	30
28	Xã Cổ Lũng	30
29	Xã Pù Luông	31
30	Xã Điền Lư	31
31	Xã Điền Quang	33
32	Xã Quý Lương	30

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
33	Xã Linh Sơn	30
34	Xã Đồng Lương	30
35	Xã Văn Phú	30
36	Xã Giao An	30
37	Xã Yên Khương	26
38	Xã Yên Thắng	26
39	Xã Thường Xuân	38
40	Xã Yên Nhân	26
41	Xã Lương Sơn	26
42	Xã Bát Mọt	26
43	Xã Luận Thành	30
44	Xã Tân Thành	30
45	Xã Vạn Xuân	26
46	Xã Thắng Lộc	30
47	Xã Xuân Chinh	30
48	Xã Như Xuân	30
49	Xã Thượng Ninh	31
50	Xã Xuân Bình	30
51	Xã Hóa Quỳ	30
52	Xã Thanh Quân	34
53	Xã Thanh Phong	30
54	Xã Như Thanh	34
55	Xã Mậu Lâm	31
56	Xã Xuân Du	30
57	Xã Yên Thọ	30
58	Xã Xuân Thái	26
59	Xã Thanh Kỳ	30
60	Xã Ngọc Lặc	45
61	Xã Thạch Lập	38
62	Xã Ngọc Liên	37
63	Xã Minh Sơn	41
64	Xã Nguyệt Ấn	35
65	Xã Kiên Thọ	30
66	Xã Cẩm Thủy	42
67	Xã Cẩm Thạch	38
68	Xã Cẩm Tú	42
69	Xã Cẩm Vân	36
70	Xã Cẩm Tân	37
71	Xã Kim Tân	48
72	Xã Vân Du	36

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
73	Xã Ngọc Trạo	40
74	Xã Thạch Bình	43
75	Xã Thành Vinh	43
76	Xã Thạch Quảng	36
77	Xã Vĩnh Lộc	48
78	Xã Tây Đô	40
79	Xã Biện Thượng	41
80	Xã Thọ Xuân	44
81	Xã Thọ Long	42
82	Xã Xuân Hòa	40
83	Xã Sao Vàng	50
84	Xã Lam Sơn	43
85	Xã Thọ Lập	40
86	Xã Xuân Tín	37
87	Xã Xuân Lập	44
88	Xã Triệu Sơn	51
89	Xã Thọ Bình	33
90	Xã Thọ Ngọc	37
91	Xã Thọ Phú	42
92	Xã Hợp Tiến	41
93	Xã An Nông	41
94	Xã Tân Ninh	39
95	Xã Đồng Tiến	36
96	Xã Nông Cống	49
97	Xã Thắng Lợi	42
98	Xã Trung Chính	44
99	Xã Trường Văn	37
100	Xã Thăng Bình	38
101	Xã Tượng Lĩnh	35
102	Xã Công Chính	31
103	Xã Yên Định	42
104	Xã Yên Trường	34
105	Xã Yên Phú	30
106	Xã Quý Lộc	31
107	Xã Yên Ninh	34
108	Xã Định Tân	37
109	Xã Định Hòa	37
110	Xã Thiệu Hóa	47
111	Xã Thiệu Quang	44
112	Xã Thiệu Tiến	38

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
113	Xã Thiệu Toán	33
114	Xã Thiệu Trung	41
115	Xã Hà Trung	43
116	Xã Tống Sơn	43
117	Xã Hà Long	34
118	Xã Hoạt Giang	39
119	Xã Lĩnh Toại	38
120	Phường Bỉm Sơn	53
121	Phường Quang Trung	52
122	Xã Nga Sơn	47
123	Xã Nga Thắng	42
124	Xã Hồ Vương	41
125	Xã Tân Tiến	34
126	Xã Nga An	41
127	Xã Ba Đình	35
128	Xã Hậu Lộc	42
129	Xã Đông Thành	38
130	Xã Triệu Lộc	34
131	Xã Hoa Lộc	40
132	Xã Vạn Lộc	49
133	Xã Hoằng Hóa	59
134	Xã Hoằng Tiến	43
135	Xã Hoằng Thanh	45
136	Xã Hoằng Lộc	45
137	Xã Hoằng Châu	45
138	Xã Hoằng Sơn	45
139	Xã Hoằng Phú	40
140	Xã Hoằng Giang	42
141	Xã Lưu Vệ	48
142	Xã Quảng Yên	40
143	Xã Quảng Ngọc	39
144	Xã Quảng Ninh	40
145	Xã Quảng Bình	39
146	Xã Tiên Trang	41
147	Xã Quảng Chính	42
148	Phường Tĩnh Gia	57
149	Phường Tân Dân	38
150	Phường Hải Lĩnh	43
151	Phường Ngọc Sơn	50
152	Phường Đào Duy Từ	46

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
153	Phường Hải Bình	37
154	Phường Trúc Lâm	42
155	Phường Nghi Sơn	36
156	Xã Các Sơn	32
157	Xã Trường Lâm	31
158	Phường Sầm Sơn	76
159	Phường Nam Sầm Sơn	55
160	Phường Hạc Thành	91
161	Phường Quảng Phú	69
162	Phường Đông Quang	67
163	Phường Đông Sơn	76
164	Phường Đông Tiến	58
165	Phường Hàm Rồng	65
166	Phường Nguyệt Viên	53

Phụ lục IV

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
(1)	*(2)*	*(3)*
	TỔNG SỐ	**49.040**
1	**Xã Mường Lát**	**171**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	166
	+ Mầm non	*53*
	+ Tiểu học	*54*
	+ Trung học cơ sở	*59*
2	**Xã Quang Chiểu**	**106**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	101
	+ Mầm non	*30*
	+ Tiểu học	*50*
	+ Trung học cơ sở	*21*
3	**Xã Tam Chung**	**97**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	92
	+ Mầm non	*28*
	+ Tiểu học	*40*
	+ Trung học cơ sở	*24*
4	**Xã Mường Chanh**	**74**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	69
	+ Mầm non	*22*
	+ Tiểu học	*30*
	+ Trung học cơ sở	*17*
5	**Xã Pù Nhi**	**107**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	102
	+ Mầm non	*35*
	+ Tiểu học	*42*
	+ Trung học cơ sở	*25*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
6	**Xã Nhi Sơn**	**76**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	71
	+ Mầm non	*23*
	+ Tiểu học	*30*
	+ Trung học cơ sở	*18*
7	**Xã Mường Lý**	**147**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	142
	+ Mầm non	*58*
	+ Tiểu học	*60*
	+ Trung học cơ sở	*24*
8	**Xã Trung Lý**	**142**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	137
	+ Mầm non	*43*
	+ Tiểu học	*67*
	+ Trung học cơ sở	*27*
9	**Xã Quan Sơn**	**227**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	222
	+ Mầm non	*85*
	+ Tiểu học	*65*
	+ Trung học cơ sở	*72*
10	**Xã Sơn Thủy**	**108**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	103
	+ Mầm non	*46*
	+ Tiểu học	*37*
	+ Trung học cơ sở	*20*
11	**Xã Sơn Điện**	**118**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	113
	+ Mầm non	*50*
	+ Tiểu học	*41*
	+ Trung học cơ sở	*22*
12	**Xã Mường Mìn**	**59**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	54
	+ Mầm non	*28*
	+ Tiểu học	*26*
	+ Trung học cơ sở	*0*
13	**Xã Tam Thanh**	**95**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	90
	+ Mầm non	*40*
	+ Tiểu học	*31*
	+ Trung học cơ sở	*19*
14	**Xã Tam Lư**	**144**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	139
	+ Mầm non	*63*
	+ Tiểu học	*43*
	+ Trung học cơ sở	*33*
15	**Xã Na Mèo**	**113**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	108
	+ Mầm non	*52*
	+ Tiểu học	*37*
	+ Trung học cơ sở	*19*
16	**Xã Trung Hạ**	**204**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	199
	+ Mầm non	*87*
	+ Tiểu học	*63*
	+ Trung học cơ sở	*49*
17	**Xã Hồi Xuân**	**229**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	223
	+ Mầm non	*80*
	+ Tiểu học	*73*
	+ Trung học cơ sở	*70*
18	**Xã Nam Xuân**	**119**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Sự nghiệp Giáo dục	114
	+ Mầm non	*48*
	+ Tiểu học	*43*
	+ Trung học cơ sở	*23*
19	**Xã Thiên Phủ**	**125**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	120
	+ Mầm non	*53*
	+ Tiểu học	*47*
	+ Trung học cơ sở	*20*
20	**Xã Hiền Kiệt**	**133**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	128
	+ Mầm non	*52*
	+ Tiểu học	*47*
	+ Trung học cơ sở	*29*
21	**Xã Phú Xuân**	**110**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	105
	+ Mầm non	*35*
	+ Tiểu học	*45*
	+ Trung học cơ sở	*25*
22	**Xã Phú Lệ**	**148**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	143
	+ Mầm non	*55*
	+ Tiểu học	*58*
	+ Trung học cơ sở	*30*
23	**Xã Trung Thành**	**111**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	106
	+ Mầm non	*38*
	+ Tiểu học	*40*
	+ Trung học cơ sở	*28*
24	**Xã Trung Sơn**	**70**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	65

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ *Mầm non*	*23*
	+ *Tiểu học*	*20*
	+ *Trung học cơ sở*	*22*
25	**Xã Bá Thước**	**356**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	351
	+ *Mầm non*	*114*
	+ *Tiểu học*	*120*
	+ *Trung học cơ sở*	*117*
26	**Xã Thiết Ống**	**168**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	163
	+ *Mầm non*	*61*
	+ *Tiểu học*	*61*
	+ *Trung học cơ sở*	*41*
27	**Xã Văn Nho**	**133**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	128
	+ *Mầm non*	*49*
	+ *Tiểu học*	*44*
	+ *Trung học cơ sở*	*35*
28	**Xã Cổ Lũng**	**155**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	150
	+ *Mầm non*	*54*
	+ *Tiểu học*	*59*
	+ *Trung học cơ sở*	*37*
29	**Xã Pù Luông**	**161**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	156
	+ *Mầm non*	*69*
	+ *Tiểu học*	*60*
	+ *Trung học cơ sở*	*27*
30	**Xã Điền Lư**	**291**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	286
	+ *Mầm non*	*112*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ *Tiểu học*	*104*
	+ *Trung học cơ sở*	*70*
31	**Xã Điền Quang**	**264**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	259
	+ *Mầm non*	*108*
	+ *Tiểu học*	*91*
	+ *Trung học cơ sở*	*60*
32	**Xã Quý Lương**	**231**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	226
	+ *Mầm non*	*90*
	+ *Tiểu học*	*82*
	+ *Trung học cơ sở*	*54*
33	**Xã Linh Sơn**	**244**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	239
	+ *Mầm non*	*92*
	+ *Tiểu học*	*73*
	+ *Trung học cơ sở*	*74*
34	**Xã Đồng Lương**	**203**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	198
	+ *Mầm non*	*81*
	+ *Tiểu học*	*76*
	+ *Trung học cơ sở*	*41*
35	**Xã Văn Phú**	**144**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	139
	+ *Mầm non*	*55*
	+ *Tiểu học*	*48*
	+ *Trung học cơ sở*	*36*
36	**Xã Giao An**	**148**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	143
	+ *Mầm non*	*64*
	+ *Tiểu học*	*48*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Trung học cơ sở	*31*
37	**Xã Yên Khương**	**96**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	91
	+ Mầm non	*38*
	+ Tiểu học	*33*
	+ Trung học cơ sở	*20*
38	**Xã Yên Thắng**	**117**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	112
	+ Mầm non	*47*
	+ Tiểu học	*41*
	+ Trung học cơ sở	*24*
39	**Xã Thường Xuân**	**605**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	598
	+ Mầm non	*217*
	+ Tiểu học	*197*
	+ Trung học cơ sở	*184*
40	**Xã Yên Nhân**	**93**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	88
	+ Mầm non	*35*
	+ Tiểu học	*32*
	+ Trung học cơ sở	*21*
41	**Xã Lương Sơn**	**140**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	135
	+ Mầm non	*45*
	+ Tiểu học	*58*
	+ Trung học cơ sở	*32*
42	**Xã Bát Mọt**	**85**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	80
	+ Mầm non	*28*
	+ Tiểu học	*32*
	+ Trung học cơ sở	*20*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
43	**Xã Luận Thành**	**228**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	223
	+ Mầm non	*87*
	+ Tiểu học	*82*
	+ Trung học cơ sở	*54*
44	**Xã Tân Thành**	**215**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	210
	+ Mầm non	*80*
	+ Tiểu học	*85*
	+ Trung học cơ sở	*45*
45	**Xã Vạn Xuân**	**105**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	100
	+ Mầm non	*50*
	+ Tiểu học	*31*
	+ Trung học cơ sở	*19*
46	**Xã Thắng Lộc**	**155**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	150
	+ Mầm non	*67*
	+ Tiểu học	*43*
	+ Trung học cơ sở	*40*
47	**Xã Xuân Chinh**	**156**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	151
	+ Mầm non	*66*
	+ Tiểu học	*48*
	+ Trung học cơ sở	*37*
48	**Xã Như Xuân**	**258**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	251
	+ Mầm non	*101*
	+ Tiểu học	*74*
	+ Trung học cơ sở	*76*
49	**Xã Thượng Ninh**	**223**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	218
	+ Mầm non	*91*
	+ Tiểu học	*73*
	+ Trung học cơ sở	*54*
50	**Xã Xuân Bình**	**258**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	253
	+ Mầm non	*100*
	+ Tiểu học	*90*
	+ Trung học cơ sở	*63*
51	**Xã Hóa Quỳ**	**202**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	197
	+ Mầm non	*85*
	+ Tiểu học	*71*
	+ Trung học cơ sở	*41*
52	**Xã Thanh Quân**	**197**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	192
	+ Mầm non	*91*
	+ Tiểu học	*69*
	+ Trung học cơ sở	*32*
53	**Xã Thanh Phong**	**179**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	174
	+ Mầm non	*71*
	+ Tiểu học	*56*
	+ Trung học cơ sở	*47*
54	**Xã Như Thanh**	**372**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	365
	+ Mầm non	*125*
	+ Tiểu học	*129*
	+ Trung học cơ sở	*111*
55	**Xã Mậu Lâm**	**237**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Sự nghiệp Giáo dục	232
	+ Mầm non	*83*
	+ Tiểu học	*92*
	+ Trung học cơ sở	*57*
56	**Xã Xuân Du**	**284**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	279
	+ Mầm non	*119*
	+ Tiểu học	*101*
	+ Trung học cơ sở	*59*
57	**Xã Yên Thọ**	**320**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	315
	+ Mầm non	*117*
	+ Tiểu học	*119*
	+ Trung học cơ sở	*79*
58	**Xã Xuân Thái**	**79**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	74
	+ Mầm non	*25*
	+ Tiểu học	*29*
	+ Trung học cơ sở	*20*
59	**Xã Thanh Kỳ**	**186**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	181
	+ Mầm non	*61*
	+ Tiểu học	*72*
	+ Trung học cơ sở	*48*
60	**Xã Ngọc Lặc**	**480**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	474
	+ Mầm non	*162*
	+ Tiểu học	*185*
	+ Trung học cơ sở	*127*
61	**Xã Thạch Lập**	**261**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	256

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Mầm non	*90*
	+ Tiểu học	*98*
	+ Trung học cơ sở	*68*
62	**Xã Ngọc Liên**	**352**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	347
	+ Mầm non	*126*
	+ Tiểu học	*124*
	+ Trung học cơ sở	*97*
63	**Xã Minh Sơn**	**385**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	380
	+ Mầm non	*122*
	+ Tiểu học	*142*
	+ Trung học cơ sở	*116*
64	**Xã Nguyệt Ấn**	**286**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	281
	+ Mầm non	*104*
	+ Tiểu học	*111*
	+ Trung học cơ sở	*66*
65	**Xã Kiên Thọ**	**264**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	259
	+ Mầm non	*91*
	+ Tiểu học	*100*
	+ Trung học cơ sở	*68*
66	**Xã Cẩm Thủy**	**368**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	362
	+ Mầm non	*130*
	+ Tiểu học	*125*
	+ Trung học cơ sở	*107*
67	**Xã Cẩm Thạch**	**360**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	355
	+ Mầm non	*141*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Tiểu học	*131*
	+ Trung học cơ sở	*83*
68	**Xã Cẩm Tú**	**313**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	308
	+ Mầm non	*117*
	+ Tiểu học	*122*
	+ Trung học cơ sở	*69*
69	**Xã Cẩm Vân**	**255**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	250
	+ Mầm non	*104*
	+ Tiểu học	*86*
	+ Trung học cơ sở	*60*
70	**Xã Cẩm Tân**	**244**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	239
	+ Mầm non	*94*
	+ Tiểu học	*85*
	+ Trung học cơ sở	*60*
71	**Xã Kim Tân**	**561**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	555
	+ Mầm non	*202*
	+ Tiểu học	*191*
	+ Trung học cơ sở	*162*
72	**Xã Vân Du**	**312**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	306
	+ Mầm non	*121*
	+ Tiểu học	*102*
	+ Trung học cơ sở	*83*
73	**Xã Ngọc Trạo**	**310**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	305
	+ Mầm non	*113*
	+ Tiểu học	*108*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Trung học cơ sở	*84*
74	**Xã Thạch Bình**	**507**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	502
	+ Mầm non	*191*
	+ Tiểu học	*188*
	+ Trung học cơ sở	*123*
75	**Xã Thành Vinh**	**356**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	351
	+ Mầm non	*138*
	+ Tiểu học	*125*
	+ Trung học cơ sở	*88*
76	**Xã Thạch Quảng**	**235**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	230
	+ Mầm non	*74*
	+ Tiểu học	*97*
	+ Trung học cơ sở	*59*
77	**Xã Vĩnh Lộc**	**477**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	467
	+ Mầm non	*182*
	+ Tiểu học	*152*
	+ Trung học cơ sở	*133*
78	**Xã Tây Đô**	**310**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	9
-	Sự nghiệp Giáo dục	301
	+ Mầm non	*125*
	+ Tiểu học	*101*
	+ Trung học cơ sở	*75*
79	**Xã Biện Thượng**	**382**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	377
	+ Mầm non	*148*
	+ Tiểu học	*118*
	+ Trung học cơ sở	*111*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
80	**Xã Thọ Xuân**	**414**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	408
	+ *Mầm non*	*141*
	+ *Tiểu học*	*132*
	+ *Trung học cơ sở*	*135*
81	**Xã Thọ Long**	**338**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	333
	+ *Mầm non*	*118*
	+ *Tiểu học*	*115*
	+ *Trung học cơ sở*	*100*
82	**Xã Xuân Hòa**	**260**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	255
	+ *Mầm non*	*93*
	+ *Tiểu học*	*92*
	+ *Trung học cơ sở*	*70*
83	**Xã Sao Vàng**	**463**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	457
	+ *Mầm non*	*162*
	+ *Tiểu học*	*168*
	+ *Trung học cơ sở*	*127*
84	**Xã Lam Sơn**	**333**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	328
	+ *Mầm non*	*120*
	+ *Tiểu học*	*113*
	+ *Trung học cơ sở*	*95*
85	**Xã Thọ Lập**	**244**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	239
	+ *Mầm non*	*92*
	+ *Tiểu học*	*83*
	+ *Trung học cơ sở*	*64*
86	**Xã Xuân Tín**	**236**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	231
	+ Mầm non	*84*
	+ Tiểu học	*84*
	+ Trung học cơ sở	*63*
87	**Xã Xuân Lập**	**367**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	362
	+ Mầm non	*146*
	+ Tiểu học	*126*
	+ Trung học cơ sở	*90*
88	**Xã Triệu Sơn**	**505**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	499
	+ Mầm non	*160*
	+ Tiểu học	*192*
	+ Trung học cơ sở	*147*
89	**Xã Thọ Bình**	**213**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	208
	+ Mầm non	*69*
	+ Tiểu học	*78*
	+ Trung học cơ sở	*61*
90	**Xã Thọ Ngọc**	**253**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	248
	+ Mầm non	*90*
	+ Tiểu học	*88*
	+ Trung học cơ sở	*70*
91	**Xã Thọ Phú**	**418**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	413
	+ Mầm non	*149*
	+ Tiểu học	*144*
	+ Trung học cơ sở	*120*
92	**Xã Hợp Tiến**	**350**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Sự nghiệp Giáo dục	345
	+ Mầm non	*118*
	+ Tiểu học	*126*
	+ Trung học cơ sở	*101*
93	**Xã An Nông**	**277**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	271
	+ Mầm non	*86*
	+ Tiểu học	*100*
	+ Trung học cơ sở	*85*
94	**Xã Tân Ninh**	**225**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	220
	+ Mầm non	*67*
	+ Tiểu học	*81*
	+ Trung học cơ sở	*72*
95	**Xã Đồng Tiến**	**240**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	235
	+ Mầm non	*81*
	+ Tiểu học	*87*
	+ Trung học cơ sở	*67*
96	**Xã Nông Cống**	**546**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	539
	+ Mầm non	*172*
	+ Tiểu học	*203*
	+ Trung học cơ sở	*164*
97	**Xã Thắng Lợi**	**284**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	277
	+ Mầm non	*100*
	+ Tiểu học	*96*
	+ Trung học cơ sở	*81*
98	**Xã Trung Chính**	**388**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	383

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Mầm non	*135*
	+ Tiểu học	*135*
	+ Trung học cơ sở	*113*
99	**Xã Trường Văn**	**244**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	239
	+ Mầm non	*77*
	+ Tiểu học	*92*
	+ Trung học cơ sở	*70*
100	**Xã Thăng Bình**	**280**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	275
	+ Mầm non	*101*
	+ Tiểu học	*102*
	+ Trung học cơ sở	*72*
101	**Xã Tượng Lĩnh**	**190**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	185
	+ Mầm non	*62*
	+ Tiểu học	*66*
	+ Trung học cơ sở	*57*
102	**Xã Công Chính**	**263**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	258
	+ Mầm non	*86*
	+ Tiểu học	*96*
	+ Trung học cơ sở	*76*
103	**Xã Yên Định**	**472**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	465
	+ Mầm non	*152*
	+ Tiểu học	*166*
	+ Trung học cơ sở	*147*
104	**Xã Yên Trường**	**305**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	300
	+ Mầm non	*103*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ *Tiểu học*	*105*
	+ *Trung học cơ sở*	*92*
105	**Xã Yên Phú**	**200**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	195
	+ *Mầm non*	*78*
	+ *Tiểu học*	*74*
	+ *Trung học cơ sở*	*43*
106	**Xã Quý Lộc**	**245**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	240
	+ *Mầm non*	*84*
	+ *Tiểu học*	*94*
	+ *Trung học cơ sở*	*62*
107	**Xã Yên Ninh**	**241**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	236
	+ *Mầm non*	*81*
	+ *Tiểu học*	*82*
	+ *Trung học cơ sở*	*73*
108	**Xã Định Tân**	**294**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	289
	+ *Mầm non*	*102*
	+ *Tiểu học*	*104*
	+ *Trung học cơ sở*	*83*
109	**Xã Định Hòa**	**283**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	278
	+ *Mầm non*	*103*
	+ *Tiểu học*	*100*
	+ *Trung học cơ sở*	*75*
110	**Xã Thiệu Hóa**	**514**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	507
	+ *Mầm non*	*174*
	+ *Tiểu học*	*176*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Trung học cơ sở	*157*
111	**Xã Thiệu Quang**	**306**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	299
	+ Mầm non	*100*
	+ Tiểu học	*100*
	+ Trung học cơ sở	*99*
112	**Xã Thiệu Tiến**	**247**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	242
	+ Mầm non	*83*
	+ Tiểu học	*87*
	+ Trung học cơ sở	*72*
113	**Xã Thiệu Toán**	**261**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	256
	+ Mầm non	*82*
	+ Tiểu học	*84*
	+ Trung học cơ sở	*90*
114	**Xã Thiệu Trung**	**345**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	339
	+ Mầm non	*109*
	+ Tiểu học	*116*
	+ Trung học cơ sở	*114*
115	**Xã Hà Trung**	**356**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	350
	+ Mầm non	*100*
	+ Tiểu học	*134*
	+ Trung học cơ sở	*116*
116	**Xã Tống Sơn**	**291**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	285
	+ Mầm non	*102*
	+ Tiểu học	*101*
	+ Trung học cơ sở	*82*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
117	**Xã Hà Long**	**246**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	241
	+ Mầm non	*82*
	+ Tiểu học	*87*
	+ Trung học cơ sở	*72*
118	**Xã Hoạt Giang**	**271**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	265
	+ Mầm non	*88*
	+ Tiểu học	*102*
	+ Trung học cơ sở	*75*
119	**Xã Lĩnh Toại**	**270**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	264
	+ Mầm non	*87*
	+ Tiểu học	*100*
	+ Trung học cơ sở	*77*
120	**Phường Bỉm Sơn**	**503**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	493
	+ Mầm non	*170*
	+ Tiểu học	*173*
	+ Trung học cơ sở	*150*
121	**Phường Quang Trung**	**273**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	263
	+ Mầm non	*85*
	+ Tiểu học	*98*
	+ Trung học cơ sở	*80*
122	**Xã Nga Sơn**	**546**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	8
-	Sự nghiệp Giáo dục	538
	+ Mầm non	*169*
	+ Tiểu học	*195*
	+ Trung học cơ sở	*174*
123	**Xã Nga Thắng**	**299**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	292
	+ Mầm non	*93*
	+ Tiểu học	*103*
	+ Trung học cơ sở	*96*
124	**Xã Hồ Vương**	**300**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	294
	+ Mầm non	*88*
	+ Tiểu học	*109*
	+ Trung học cơ sở	*97*
125	**Xã Tân Tiến**	**216**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	210
	+ Mầm non	*63*
	+ Tiểu học	*80*
	+ Trung học cơ sở	*67*
126	**Xã Nga An**	**230**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	224
	+ Mầm non	*67*
	+ Tiểu học	*86*
	+ Trung học cơ sở	*71*
127	**Xã Ba Đình**	**245**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	239
	+ Mầm non	*76*
	+ Tiểu học	*83*
	+ Trung học cơ sở	*80*
128	**Xã Hậu Lộc**	**416**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	409
	+ Mầm non	*145*
	+ Tiểu học	*135*
	+ Trung học cơ sở	*129*
129	**Xã Đông Thành**	**339**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Sự nghiệp Giáo dục	333
	+ *Mầm non*	*107*
	+ *Tiểu học*	*124*
	+ *Trung học cơ sở*	*102*
130	**Xã Triệu Lộc**	**274**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	269
	+ *Mầm non*	*95*
	+ *Tiểu học*	*102*
	+ *Trung học cơ sở*	*72*
131	**Xã Hoa Lộc**	**432**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	426
	+ *Mầm non*	*150*
	+ *Tiểu học*	*156*
	+ *Trung học cơ sở*	*120*
132	**Xã Vạn Lộc**	**698**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	693
	+ *Mầm non*	*246*
	+ *Tiểu học*	*271*
	+ *Trung học cơ sở*	*176*
133	**Xã Hoằng Hóa**	**539**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	9
-	Sự nghiệp Giáo dục	530
	+ *Mầm non*	*192*
	+ *Tiểu học*	*180*
	+ *Trung học cơ sở*	*158*
134	**Xã Hoằng Tiến**	**309**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	303
	+ *Mầm non*	*118*
	+ *Tiểu học*	*107*
	+ *Trung học cơ sở*	*78*
135	**Xã Hoằng Thanh**	**365**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	360

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ *Mầm non*	*142*
	+ *Tiểu học*	*128*
	+ *Trung học cơ sở*	*90*
136	**Xã Hoằng Lộc**	**434**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	428
	+ *Mầm non*	*165*
	+ *Tiểu học*	*146*
	+ *Trung học cơ sở*	*117*
137	**Xã Hoằng Châu**	**351**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	344
	+ *Mầm non*	*124*
	+ *Tiểu học*	*128*
	+ *Trung học cơ sở*	*92*
138	**Xã Hoằng Sơn**	**326**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	321
	+ *Mầm non*	*121*
	+ *Tiểu học*	*120*
	+ *Trung học cơ sở*	*80*
139	**Xã Hoằng Phú**	**259**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	254
	+ *Mầm non*	*86*
	+ *Tiểu học*	*94*
	+ *Trung học cơ sở*	*74*
140	**Xã Hoằng Giang**	**348**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	343
	+ *Mầm non*	*124*
	+ *Tiểu học*	*125*
	+ *Trung học cơ sở*	*94*
141	**Xã Lưu Vệ**	**470**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	460
	+ *Mầm non*	*143*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Tiểu học	*159*
	+ Trung học cơ sở	*158*
142	**Xã Quảng Yên**	**291**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	285
	+ Mầm non	*98*
	+ Tiểu học	*102*
	+ Trung học cơ sở	*85*
143	**Xã Quảng Ngọc**	**323**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	318
	+ Mầm non	*117*
	+ Tiểu học	*112*
	+ Trung học cơ sở	*89*
144	**Xã Quảng Ninh**	**263**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	258
	+ Mầm non	*85*
	+ Tiểu học	*94*
	+ Trung học cơ sở	*79*
145	**Xã Quảng Bình**	**356**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	351
	+ Mầm non	*119*
	+ Tiểu học	*131*
	+ Trung học cơ sở	*101*
146	**Xã Tiên Trang**	**370**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	365
	+ Mầm non	*117*
	+ Tiểu học	*145*
	+ Trung học cơ sở	*103*
147	**Xã Quảng Chính**	**298**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	293
	+ Mầm non	*105*
	+ Tiểu học	*102*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
	+ Trung học cơ sở	*86*
148	**Phường Tĩnh Gia**	**588**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	581
	+ Mầm non	*150*
	+ Tiểu học	*246*
	+ Trung học cơ sở	*185*
149	**Phường Tân Dân**	**227**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	222
	+ Mầm non	*71*
	+ Tiểu học	*87*
	+ Trung học cơ sở	*64*
150	**Phường Hải Lĩnh**	**211**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	205
	+ Mầm non	*74*
	+ Tiểu học	*76*
	+ Trung học cơ sở	*55*
151	**Phường Ngọc Sơn**	**459**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	453
	+ Mầm non	*140*
	+ Tiểu học	*180*
	+ Trung học cơ sở	*133*
152	**Phường Đào Duy Từ**	**239**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	7
-	Sự nghiệp Giáo dục	232
	+ Mầm non	*70*
	+ Tiểu học	*93*
	+ Trung học cơ sở	*69*
153	**Phường Hải Bình**	**315**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	310
	+ Mầm non	*87*
	+ Tiểu học	*125*
	+ Trung học cơ sở	*98*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
154	**Phường Trúc Lâm**	**270**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6
-	Sự nghiệp Giáo dục	264
	+ Mầm non	*80*
	+ Tiểu học	*103*
	+ Trung học cơ sở	*81*
155	**Phường Nghi Sơn**	**247**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	242
	+ Mầm non	*77*
	+ Tiểu học	*114*
	+ Trung học cơ sở	*51*
156	**Xã Các Sơn**	**231**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	226
	+ Mầm non	*76*
	+ Tiểu học	*86*
	+ Trung học cơ sở	*64*
157	**Xã Trường Lâm**	**227**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5
-	Sự nghiệp Giáo dục	222
	+ Mầm non	*63*
	+ Tiểu học	*97*
	+ Trung học cơ sở	*62*
158	**Phường Sầm Sơn**	**953**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	16
-	Sự nghiệp Giáo dục	937
	+ Mầm non	*310*
	+ Tiểu học	*354*
	+ Trung học cơ sở	*273*
159	**Phường Nam Sầm Sơn**	**437**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	427
	+ Mầm non	*163*
	+ Tiểu học	*146*
	+ Trung học cơ sở	*118*
160	**Phường Hạc Thành**	**1.767**

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	15
-	Sự nghiệp Giáo dục	1.752
	+ Mầm non	*449*
	+ Tiểu học	*732*
	+ Trung học cơ sở	*571*
161	**Phường Quảng Phú**	**660**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	13
-	Sự nghiệp Giáo dục	647
	+ Mầm non	*210*
	+ Tiểu học	*257*
	+ Trung học cơ sở	*180*
162	**Phường Đông Quang**	**497**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	487
	+ Mầm non	*172*
	+ Tiểu học	*169*
	+ Trung học cơ sở	*146*
163	**Phường Đông Sơn**	**596**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	11
-	Sự nghiệp Giáo dục	585
	+ Mầm non	*199*
	+ Tiểu học	*195*
	+ Trung học cơ sở	*191*
164	**Phường Đông Tiến**	**453**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10
-	Sự nghiệp Giáo dục	443
	+ Mầm non	*137*
	+ Tiểu học	*156*
	+ Trung học cơ sở	*150*
165	**Phường Hàm Rồng**	**435**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	14
-	Sự nghiệp Giáo dục	421
	+ Mầm non	*115*
	+ Tiểu học	*146*
	+ Trung học cơ sở	*160*
166	**Phường Nguyệt Viên**	**338**
-	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	10

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế năm 2026
-	Sự nghiệp Giáo dục	328
	+ *Mầm non*	*110*
	+ *Tiểu học*	*119*
	+ *Trung học cơ sở*	*99*

Phụ lục V
BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Biên chế dự phòng	Số lượng
	TỔNG SỐ	**139**
1	Biên chế công chức dự phòng	69
2	Biên chế viên chức dự phòng	70